

Số: 319/BC-HĐND

*Gia Lai, ngày 03 tháng 12 năm 2020*

**BÁO CÁO**

**Kết quả thẩm tra các báo cáo của UBND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ Mười sáu.

Thực hiện sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để chuẩn bị nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ Mười sáu, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức các phiên họp để xem xét thẩm tra các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nội chính, báo cáo của Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại Kỳ họp.

Tại các phiên họp, sau khi nghe đại diện lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trình bày các báo cáo, dự thảo nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan; các vị đại biểu, Lãnh đạo và các Ủy viên Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận, thống nhất báo cáo kết quả thẩm tra cụ thể như sau:

**I. THẨM TRA CÁC BÁO CÁO**

**1. Báo cáo số 158/BC-UBND ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh về tình hình công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021**

Ban Pháp chế cơ bản nhất trí với báo cáo của UBND tỉnh về kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021, thể hiện trên các lĩnh vực cụ thể như sau:

- Công tác thanh tra tiếp tục được duy trì, toàn ngành đã triển khai 109 cuộc thanh tra tại 178 đơn vị trên các lĩnh vực<sup>1</sup>. Qua thanh tra đã phát hiện sai phạm về tài chính tại 67 đơn vị với số tiền 16.919.802.000 đồng (đã chỉ đạo thu hồi nộp ngân sách nhà nước 6.487.111.000 đồng; xử lý khác 10.432.691.000 đồng); phát hiện 4.147,61 ha diện tích rừng bị phá, lấn chiếm làm nương rẫy. Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với 27 tập thể, 142 cá nhân, đã thu hồi số tiền nộp vào ngân sách nhà nước 5.498.790.000 đồng/ 6.487.111.000 đồng; qua đó

<sup>1</sup> Về chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng ngân sách, nguồn kinh phí; công tác quản lý bảo vệ rừng, sử dụng đất lâm nghiệp; thực hiện các gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế, đấu thầu thuốc chữa bệnh và việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

từng bước phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng tham nhũng, tiêu cực, gây thất thoát tài sản, được dư luận xã hội đánh giá cao, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân tiếp tục được các cấp, các ngành của tỉnh tăng cường chỉ đạo, đổi thoại, tập trung giải quyết có hiệu quả<sup>2</sup>.

Bên cạnh những kết quả đạt được, qua thẩm tra Ban Pháp chế nhận thấy:

- Trong năm UBND tỉnh chưa triển khai thanh tra trách nhiệm người đứng đầu các sở, ngành, địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Một số ngành, địa phương ở cấp huyện, cấp xã trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân còn chậm<sup>3</sup>.

- Một số giải pháp phòng ngừa tham nhũng chưa được triển khai đồng bộ, việc tự kiểm tra, tự phát hiện những hành vi tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu<sup>4</sup>.

Ban Pháp chế HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh trong thời gian tới khắc phục các tồn tại nêu trên; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và phản ánh của công dân; tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng gắn với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là tăng cường phòng, chống tham nhũng lãng phí trong nội bộ từng cơ quan.

### **2. Báo cáo số 172/BC-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020**

Ban Pháp chế HĐND tỉnh thống nhất với báo cáo đánh giá tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 và phương hướng, giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian tới.

Tuy nhiên, trong báo cáo UBND tỉnh chưa báo cáo số liệu triển khai thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đề nghị UBND tỉnh báo cáo thêm nội dung này, để đại biểu HĐND tỉnh nắm thêm thông tin, phục vụ cho hoạt động giám sát.

### **3. Báo cáo số 164/BC-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh về tình hình, kết quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2020**

---

<sup>2</sup> Toàn tỉnh đã tiếp 3.075 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (giảm 353 lượt so với cùng kỳ năm 2019); tiếp nhận 57 đơn khiếu nại, tố cáo (giảm 29 đơn so với cùng kỳ), đã xác minh, giải quyết xong là 58/65 vụ (trong đó năm 2019 chuyển sang 08 vụ) thuộc thẩm quyền giải quyết đạt 89,2%.

<sup>3</sup> Như: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND: thành phố Pleiku huyện Chư Sê và huyện Ia Grai.

<sup>4</sup> Theo Báo cáo số 158/BC-UBND ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh về tình hình công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 thì năm 2020 chưa phát hiện trường hợp nào có dấu hiệu tham nhũng, tuy nhiên theo Báo cáo số 164/BC-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh về tình hình, kết quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2020 thì phát hiện 05 vụ (Tham ô tài sản 02 vụ, nhận hối lộ 01 vụ, thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng 02 vụ), bắt 09 đối tượng.

Qua thẩm tra, Ban Pháp chế HĐND tỉnh nhận thấy: Năm 2020 trên địa bàn tỉnh tội phạm hình sự được kiềm chế, giảm về số vụ và tính chất mức độ thiệt hại; đấu tranh tội phạm tham nhũng, kinh tế, môi trường đạt nhiều kết quả tích cực; bắt, triệt phá nhiều điểm, tụ điểm ma túy. Tai nạn giao thông tiếp tục được kiềm chế, giảm 03 chỉ số so với cùng kỳ năm trước (giảm 12,8% số vụ, giảm 8,45% số người chết và giảm 21,25% số người bị thương).

Tuy nhiên, tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật có lúc, có nơi còn diễn biến phức tạp, phạm pháp hình sự giảm so với cùng kỳ, nhưng có một số loại tội phạm gia tăng như: Tội phạm xâm hại tình dục, nhất là xâm hại tình dục trẻ em<sup>5</sup>; tội phạm chống người thi hành công vụ tăng về số vụ, hậu quả<sup>6</sup>, tính manh động, liều lĩnh; tội phạm cướp, cướp giật, lừa đảo chiếm đoạt tài sản tăng<sup>7</sup>; tình trạng tụ tập sử dụng trái phép chất ma túy tại các cơ sở kinh doanh bar, karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ tiếp tục xảy ra tại một số địa phương<sup>8</sup>.

Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông có xu hướng gia tăng, gây thiệt hại lớn với nhiều phương thức, thủ đoạn phạm tội mới; tình trạng tội phạm sử dụng mạng viễn thông, internet để đánh bạc, tổ chức đánh bạc xảy ra tại nhiều địa phương với quy mô lớn<sup>9</sup>.

Ban Pháp chế HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, phát huy vai trò người đứng đầu ở các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong việc triển khai công tác này.

#### **4. Báo cáo số 167/BC-UBND ngày 19/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2020, triển khai nhiệm vụ công tác năm 2021 (thuộc lĩnh vực nội chính)**

Ban Pháp chế HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2020 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2021 (lĩnh vực nội chính).

Bên cạnh những kết quả đạt được, Ban Pháp chế nhận thấy, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, Ủy ban nhân dân tỉnh cần có giải pháp, chỉ đạo quyết liệt khắc phục trong thời gian tới như: Công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp như: Tội xâm phạm tình dục trẻ chiếm tỷ lệ

<sup>5</sup> Xảy ra 49 vụ xâm hại tình dục trẻ em, tăng 13 vụ so với cùng kỳ; trong đó 24 vụ xảy ra trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số (chiếm 48,98% số vụ).

<sup>6</sup> Xảy ra 08 vụ chống người thi hành công vụ, tăng 05 vụ (08/03 vụ), làm bị thương 09 người, tăng 07 người (09/02 người) so cùng kỳ.

<sup>7</sup> Cướp tài sản xảy ra 22 vụ, tăng 10 vụ (22/12 vụ); cướp giật tài sản xảy ra 24 vụ, tăng 06 vụ (24/18 vụ); lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra 42 vụ, tăng 16 vụ (42/26 vụ) so với cùng kỳ.

<sup>8</sup> Phát hiện, xử lý 44 vụ, 300 đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy tại quán bar, karaoke, nhà nghỉ, khách sạn, nhà trọ, tăng 14 vụ, 79 đối tượng so cùng kỳ.

<sup>9</sup> Diễn hình Công an tỉnh phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ - Bộ Công an triệt phá đường dây đánh bạc trên internet tại các địa bàn thành phố Pleiku, Mang Yang, Đak Pơ, An Khê, Chư Sê, Chư Păh với số tiền giao dịch trên 1.600 tỷ đồng.

cao; số người chết do tai, tệ nạn khác xảy ra nhiều 308 người<sup>10</sup>; các vụ việc vi phạm lâm nghiệp tăng so với cùng kỳ<sup>11</sup>; tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông có xu hướng gia tăng, gây thiệt hại lớn với nhiều phương thức, thủ đoạn phạm tội mới. Một số ngành, địa phương ở cấp huyện, cấp xã trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân còn chậm.

### 5. Báo cáo số 79/BC-TA ngày 16/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh

Qua thẩm tra, Ban Pháp chế thấy rằng: Năm 2020, Tòa án nhân dân hai cấp đã duy trì mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của mình, ngành đã thụ lý 8.062 vụ, việc các loại, đã giải quyết 7.301 vụ, việc, tỷ lệ giải quyết đạt 90,6%. Tỷ lệ giải quyết án theo thủ tục tố tụng hình sự, thủ tục tố tụng dân sự và thủ tục tố tụng hành chính trong năm đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra; án hình sự được xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không có trường hợp nào kết án oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm; mức hình phạt đã tuyên cơ bản tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Các vụ án trọng điểm, án được dư luận xã hội quan tâm đều được nghiên cứu kỹ, đưa ra xét xử, đáp ứng kịp thời yêu cầu chính trị tại địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, Ban Pháp chế nhận thấy, trong số án đã giải quyết vẫn còn án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của thẩm phán mặc dù có giảm hơn so với cùng kỳ năm trước (*án hủy 17,5 vụ - giảm 10,5 vụ; án sửa 07 vụ - giảm 03 vụ*); vẫn còn một số bản án tuyên không rõ, còn bị cơ quan Thi hành án dân sự yêu cầu giải thích, đính chính hoặc bổ sung; còn có đơn vị tỷ lệ giải quyết án thấp hơn so với quy định chung của hệ thống ngành Tòa án.

Trong quá trình kiểm sát hoạt động tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân hai cấp cũng đã chỉ ra một số thiếu sót, vi phạm trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân hai cấp<sup>12</sup>.

Ban Pháp chế đề nghị ngành Tòa án cần tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra việc giải quyết các loại án đối với Tòa án nhân dân cấp huyện mà có tỷ lệ giải quyết án thấp. Bên cạnh đó, tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với những sai sót trong công tác chuyên môn, hạn chế thấp nhất tỷ lệ án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của thẩm phán và hội đồng xét xử.

<sup>10</sup> Xảy ra 42 vụ cháy, làm 01 người chết, 03 người bị thương, thiệt hại tài sản 26,88 tỷ đồng; tự tử 116 vụ, chết 116 người (liên quan người dân tộc thiểu số chiếm 63,8%); 83 vụ đuối nước, làm chết 98 người; 03 vụ nổ, làm chết 03 người, bị thương 02 người; 109 vụ tai nạn khác, làm chết 90 người, bị thương 34 người.

<sup>11</sup> Phát hiện 481 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp, tăng 05 vụ so với cùng kỳ; đã xử lý hành chính 426 vụ, xử lý hình sự 51 vụ; tịch thu 681,8m<sup>3</sup> gỗ các loại, 180 phương tiện; thu nộp ngân sách trên 06 tỷ đồng.

<sup>12</sup> Có 106 bản án hình sự sơ thẩm có vi phạm như: Cho hưởng án treo, quy định thời gian thử thách không đúng quy định; áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ không đúng; tuyên phạt bị cáo mức án chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội... Có 153 thông báo thụ lý, 360 bản án, quyết định án dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại... có vi phạm như: Ban hành không đúng mẫu quy định; không tuyên quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau khi ly hôn; vi phạm về việc tuyên quyền, nghĩa vụ thi hành án; không tuyên lãi chậm thi hành án hoặc tuyên lãi chậm thi hành án không đúng; vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử; xác định không đúng quan hệ tranh chấp; vi phạm trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ; không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan vào tham gia tố tụng.

## 6. Báo cáo số 389/BC-VKS ngày 12/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Trong năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân hai cấp đã tăng cường thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, chú trọng đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, nâng cao chất lượng bản án, yêu cầu điều tra vụ án hình sự; không để xảy ra việc đình chỉ điều tra hay truy tố, xét xử oan sai; không có trường hợp nào Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội.

Qua công tác kiểm sát hoạt động tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân hai cấp đã kịp thời ban hành 570 văn bản yêu cầu cơ quan chức năng chấn chỉnh, khắc phục vi phạm, phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm (35 kháng nghị, 233 kiến nghị và 302 kết luận). Các kháng nghị, kiến nghị, kết luận của Viện kiểm sát bảo đảm có căn cứ, được các cơ quan tư pháp và cơ quan, tổ chức hữu quan tiếp thu, thực hiện.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Ban Pháp chế thấy rằng: Viện kiểm sát nhân dân hai cấp trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ vẫn còn một số hạn chế như: Vẫn có án hình sự trả hồ sơ để điều tra bổ sung và một số án dân sự bị hủy do lỗi chủ quan của Kiểm sát viên<sup>13</sup>; chưa đánh giá chất lượng các kiến nghị thông qua việc các cơ quan chức năng chấp nhận và khắc phục các kiến nghị.

Ban Pháp chế đề nghị ngành Kiểm sát cần tăng cường hơn nữa công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên, nhất là quan tâm đến chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp. Tăng cường hơn nữa chất lượng kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử để hạn chế thấp nhất các vụ án phải trả hồ sơ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

## 7. Báo cáo số 1425/BC-CTHADS ngày 13/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh về tình hình, kết quả công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính năm 2020 của hệ thống Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai

Cơ quan Thi hành án dân sự hai cấp đã có nhiều nỗ lực và cố gắng tích cực trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác thi hành án, kết quả năm 2020 đã giải quyết xong về việc<sup>14</sup> đạt tỷ lệ 80%; giải quyết xong về tiền<sup>15</sup> đạt tỷ lệ 39,86%. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm, giải quyết kịp thời<sup>16</sup>.

Tuy nhiên, báo cáo chưa chỉ ra những tồn tại, hạn chế của hệ thống Thi hành án dân sự trong năm 2020, cũng như hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự hai cấp thông qua việc chỉ đạo kịp thời các vụ việc phức tạp trên địa bàn

<sup>13</sup> 04 vụ Tòa án nhân dân tỉnh trả hồ sơ có trách nhiệm Kiểm sát viên.

<sup>14</sup> Tổng số việc thụ lý: 15.777 việc; kết quả xác minh phân loại có 10.962 việc có điều kiện giải quyết, đã giải quyết xong 8.720/10.962 việc (đạt tỷ lệ 80%).

<sup>15</sup> Tổng số tiền thụ: 1.609 tỷ đồng; kết quả xác minh phân loại có 616,6 tỷ đồng có điều kiện giải quyết, kết quả giải quyết xong 246 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 39,86%.

<sup>16</sup> Trong năm, các cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh đã tiếp nhận 85 đơn, sau khi phân loại, xử lý có 43 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết (35 đơn khiếu nại, 8 đơn tố cáo). Kết quả đã giải quyết 43/43 đơn (35 đơn khiếu nại, 08 đơn tố cáo), đạt 100%.

tỉnh. Đồng thời, qua kiểm sát hoạt động Thi hành án dân sự của Viện kiểm sát nhân dân hai cấp đã chỉ ra một số thiếu sót, vi phạm trong quá trình hoạt động của cơ quan thi hành án<sup>17</sup>.

Ban Pháp chế đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự cần có giải pháp khắc phục các nội dung nêu trên và tăng cường hơn nữa công tác chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật đối với đội ngũ Chấp hành viên trong việc thực hiện nhiệm vụ giải quyết thi hành án, hạn chế thấp nhất việc Chấp hành viên vi phạm quy định pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ. Phối hợp chặt chẽ với Tòa án nhân dân tỉnh để giải quyết các nội dung vướng mắc liên quan đến các quyết định bản án đã có hiệu lực pháp luật.

## **II. THẨM TRA CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT DO UBND TỈNH TRÌNH**

**1. Dự thảo Nghị quyết miễn nhiệm chức danh Ủy viên UBND tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021 (Tờ trình số 2340/TTr-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh)**

### **1.1. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ về việc quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND thì HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết là đúng thẩm quyền.

### **1.2. Nội dung Nghị quyết**

Trên cơ sở Tờ trình số 2340/TTr-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh về việc miễn nhiệm chức danh Ủy viên UBND tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021 đối với ông Huỳnh Văn Tâm, nguyên Giám đốc Sở Nội vụ, lý do: Chuyển công tác khác.

Tại phần căn cứ pháp lý của dự thảo Nghị quyết: Đề nghị bỏ căn cứ pháp lý “*Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nghiêm quy định số lượng, cơ cấu và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân các cấp*” vì nội dung của Chỉ thị giao trách nhiệm cho Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp trong việc rà soát tiêu chuẩn, điều kiện nhân sự ứng cử thành viên Ủy ban nhân dân các cấp. Đồng thời, đề nghị bổ sung thêm căn cứ pháp lý “*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019*”;

Ban Pháp chế HĐND tỉnh thống nhất thông qua dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh về việc miễn nhiệm chức danh Ủy viên UBND tỉnh khóa XI, nhiệm

<sup>17</sup> Vi phạm trong cưỡng chế kê biên tài sản thi hành án; vi phạm về thu phí thi hành án; vi phạm trong việc ra Quyết định thi hành án không đúng với nội dung quyết định của bản án tuyên; chậm xác minh điều kiện thi hành án; xác định việc chưa có điều kiện thi hành án không đúng; vi phạm trong việc niêm phong, mở niêm phong....

kỳ 2016-2021 (*Tờ trình số 2340/TTr-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh*).

**2. Dự thảo Nghị quyết về quyết định biên chế công chức trong các cơ quan hành chính của tỉnh năm 2021 (*Tờ trình số 2335/TTr-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh*)**

### **2.1. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết**

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 15 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Quyết định số 791/QĐ-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ Nội vụ về giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Gia Lai năm 2021, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Gia Lai năm 2021 là đúng thẩm quyền.

### **2.2. Nội dung Nghị quyết**

Căn cứ Quyết định số 791/QĐ-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Gia Lai năm 2021 và qua xem xét dự thảo Nghị quyết và Tờ trình số 2335/TTr-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh, Ban Pháp chế thống nhất: *Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Gia Lai năm 2021 là 2.673 biên chế*.

Ban Pháp chế HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉnh sửa một số nội dung trong dự thảo Nghị quyết như sau:

- Trích yếu và Điều 1 của dự thảo Nghị quyết đề nghị thêm cụm từ “*Tổ chức*” vào sau cụm từ “*cơ quan...*”.
- Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị sửa lại như sau “*Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này*” và bỏ đoạn “*Việc sử dụng và rà soát thực hiện tinh giản biên chế trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo quy định của Trung ương*” vì theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 791/QĐ-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ Nội vụ giao Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện việc giao biên chế và thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo quy định.

Từ các cơ sở nêu trên, Ban Pháp chế HĐND tỉnh nhất trí thông qua dự thảo Nghị quyết quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Gia Lai năm 2021 (*Tờ trình số 2335/TTr-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh*).

**3. Dự thảo Nghị quyết về phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; tổng biên chế làm việc tại các tổ chức hội tỉnh Gia Lai năm 2021 (*Tờ trình số 2336/TTr-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh*)**

### **3.1. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết**

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 13 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về

vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý của hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Các Văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ: Văn bản 306/BNV-TCBC ngày 16/01/2020 về hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Gia Lai năm 2020 và năm 2021; 4786/BNV-TCBC ngày 14/9/2020 của Bộ Nội vụ về số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Gia Lai năm 2021.

Như vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc *phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổng số người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, chỉ tiêu người làm việc tại các tổ chức hội năm 2021 của tỉnh Gia Lai* là đúng thẩm quyền.

### **3.2. Nội dung dự thảo Nghị quyết**

- Căn cứ các Văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ: Văn bản 306/BNV-TCBC ngày 16/01/2020 về hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Gia Lai năm 2020 và năm 2021; 4786/BNV-TCBC ngày 14/9/2020 của Bộ Nội vụ về số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Gia Lai năm 2021. Ban Pháp chế thống nhất tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; tổng biên chế làm việc tại các tổ chức hội tỉnh Gia Lai năm 2021. Đề nghị chỉnh sửa lại Điều 1 của dự thảo Nghị quyết như sau:

**Điều 1. Phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tổng biên chế làm việc tại các tổ chức hội tỉnh Gia Lai năm 2021. Cụ thể:**

1. Tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập là: 26.407 người.

2. Tổng số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính là 192 người.

3. Tổng số lượng hợp đồng lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập là 1.197 người.

4. Tổng biên chế làm việc tại các tổ chức hội là 113 biên chế và 11 hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

- Tại phần căn cứ pháp lý của dự thảo nghị quyết đề nghị bỏ sung thêm căn cứ pháp lý: “*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019*”

Từ các cơ sở nêu trên, Ban Pháp chế thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết về phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tổng số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/200/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, chỉ tiêu người làm việc tại các tổ chức hội tỉnh Gia Lai năm 2021.

**4. Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 11/2005/NQ-HĐND ngày 15/7/2005 của HĐND tỉnh về việc bổ sung giá đất nông nghiệp trên địa bàn hai huyện Ia Grai và Đak Pơ (Tờ trình số 2296/TTr-UBND ngày 13/11/2020 của UBND tỉnh)**

#### **4.1. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết**

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 11/2005/NQ-HĐND ngày 15/7/2005 của HĐND tỉnh là đúng thẩm quyền.

#### **4.2. Nội dung Nghị quyết**

- Tại phần căn cứ pháp lý đề nghị UBND tỉnh sửa đoạn “... *Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh...*” thành “...*Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh*”.

- Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị UBND tỉnh bỏ cụm từ “*Điều khoản thi hành*” theo đúng quy định mẫu số 16 - Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ để trình bày cho phù hợp về mặt thể thức.

Từ các nhận định nêu trên, Ban Pháp chế thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết về việc bãi bỏ Nghị quyết số 11/2005/NQ-HĐND ngày 15/7/2005 của HĐND tỉnh.

**5. Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ toàn bộ và một phần văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh Gia Lai ban hành trong lĩnh vực nội vụ, giáo dục và đào tạo (Tờ trình số 2338/TTr-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh)**

#### **5.1. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết**

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh ban hành trong lĩnh vực nội vụ, giáo dục và đào tạo là đúng thẩm quyền.

## 5.2. Nội dung Nghị quyết

- Qua xem xét nội dung Tờ trình số 2338/TTr-UBND và các căn cứ pháp lý có liên quan đối với lý do bãi bỏ một phần Nghị quyết số 02/2005/NQ-HĐND ngày 15/7/2005 của HĐND tỉnh, Ban Pháp chế nhận thấy: Hiện nay, các căn cứ pháp lý tại Nghị quyết số 02/2005/NQ-HĐND đã hết hiệu lực và một số chế độ; chính sách đã được thay thế bằng các nghị quyết khác của HĐND tỉnh<sup>18</sup>. Riêng nội dung **chính sách đối với cán bộ không chuyên trách xã, thôn, tổ dân phố** tại Nghị quyết 02/2005/NQ-HĐND đã được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 34/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của HĐND tỉnh. Do đó, Ban Pháp chế đề nghị UBND tỉnh sửa lại tiêu đề của dự thảo nghị quyết là “*Về việc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh Gia Lai ban hành lĩnh vực nội vụ, giáo dục và đào tạo*”.

- Điều 1 và Điều 2 dự thảo Nghị quyết gộp lại thành Điều 1: “*Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật sau:*

+ Nghị quyết số 24/2006/NQ-HĐND ngày 09/10/2006 của HĐND tỉnh *Về việc tạm thời bố trí ngân sách để thực hiện nhiệm vụ chi trả lương cho Phó Bí thư cấp ủy chuyên trách xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở (cấp xã).*

+ Nghị quyết số 02/2005/NQ-HĐND ngày 15/7/2005 của HĐND tỉnh *về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số tại chỗ của tỉnh học tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp; tăng mức trợ cấp cho học sinh lớp 4, 5, 6 các trường lớp phổ thông bán trú; Hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức đi học và thu hút người có trình độ cao; chính sách đối với cán bộ không chuyên trách xã, thôn, tổ dân phố*”.

- Điều 3 sửa thành Điều 2 và bỏ cụm từ “Điều khoản thi hành” theo đúng quy định mẫu số 16 - Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ để trình bày cho phù hợp về mặt thể thức.

Từ các nhận định nêu trên, Ban Pháp chế thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh Gia Lai ban hành trong lĩnh vực nội vụ, giáo dục và đào tạo. Đề nghị UBND tỉnh tiếp thu, chỉnh sửa các nội dung trên.

**6. Dự thảo Nghị quyết về việc phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 (Tờ trình số 2325/TTr-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh)**

---

<sup>18</sup> Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 về việc phê chuẩn sửa đổi chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về tinh công tác; Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 bãi bỏ khoản 2 Mục I và khoản 3, khoản 4 Mục II Điều 1 Nghị quyết số 24/1010/ NQ-HĐND ngày 09/12/2010 về việc phê chuẩn sửa đổi chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học và chính sách thu hút người có trình độ cao về tinh công tác; Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

### **6.1. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; điểm a khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 44 Luật Dân quân tự vệ, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn Đề án “*Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025*” là đúng thẩm quyền.

### **6.2. Nội dung Nghị quyết**

- Căn cứ Điều 2 và Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Điều 3 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh phê chuẩn Đề án không thuộc một trong các trường hợp HĐND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Do đó, Ban Pháp chế đề nghị UBND tỉnh chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết là dự thảo Nghị quyết cá biệt theo quy định mẫu 1.1 - Nghị quyết cá biệt của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

- Tại phần căn cứ pháp lý của dự thảo Nghị quyết đề nghị bổ sung thêm căn cứ pháp lý “*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019*”. Đồng thời, sửa lại số Tờ trình là 2325 thay cho số Tờ trình 2324.

Trên cơ sở các nhận định nêu trên, Ban Pháp chế thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 (*Tờ trình số 2325/TTr-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh*).

**7. Dự thảo Nghị quyết về việc quy định mức hưởng phụ cấp hằng tháng của Thôn đội trưởng và mức hưởng trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân khi làm nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh (Tờ trình số 2324/TTr-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh)**

### **7.1. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; khoản 2 Điều 8 và điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định mức hưởng phụ cấp hằng tháng của Thôn đội trưởng và mức hưởng trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân khi làm nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh là đúng thẩm quyền

## 7.2. Nội dung Nghị quyết

- Về tiêu đề của dự thảo Nghị quyết: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định: HĐND tỉnh **quyết định mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân tại chỗ, dân quân cơ động, dân quân phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế khi làm nhiệm vụ; do đó Ban Pháp chế đề nghị UBND tỉnh bỏ từ “hưởng” tại trích yếu dự thảo Nghị quyết và sửa tiêu đề thành “Về việc quy định mức hưởng phụ cấp hằng tháng của Thôn đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân khi làm nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Gia Lai”.**

- Tại phần căn cứ pháp lý của dự thảo Nghị quyết đề nghị bổ sung thêm căn cứ pháp lý “*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019*”.

- Bỏ đoạn “*Mức hưởng phụ cấp hằng tháng của Thôn đội trưởng và mức hưởng trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân khi làm nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Gia Lai*” sau cụm từ “Quyết nghị” theo đúng quy định mẫu số 16 - Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để trình bày cho phù hợp về mặt thể thức.

- Về các điều, khoản: Đề nghị UBND tỉnh xây dựng nội dung đảm bảo phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 8<sup>19</sup> Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, cụ thể như sau:

+ **Điều 1.** Quy định mức hưởng phụ cấp hằng tháng của Thôn đội trưởng là 745.000 đồng.

+ **Điều 2.** Quy định mức trợ cấp đối với dân quân tại chỗ, dân quân cơ động, dân quân phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế trên địa bàn tỉnh là 119.200 đồng. Trường hợp được kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, mức trợ cấp tăng thêm là 59.600 đồng.

+ **Điều 3.** Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Gia Lai khóa XI, Kỳ họp thứ Mười sáu thông qua ngày...tháng...năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

Từ các cơ sở nhận định nêu trên, Ban Pháp chế thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết về việc quy định mức hưởng phụ cấp hằng tháng của Thôn đội trưởng và mức hưởng trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân khi làm nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh. Đề nghị UBND tỉnh tiếp thu, chỉnh sửa các nội dung trên.

**8. Dự thảo Nghị quyết về việc xác nhận kết quả bầu cử bổ sung Phó Chủ tịch UBND tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021 (Tờ trình số 2397/TTr-UBND ngày 27/11/2020 của UBND tỉnh)**

### 8.1. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ

<sup>19</sup> Trích khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: “2. Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung căn điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác”.

sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ về việc quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nghiêm quy định số lượng, cơ cấu và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND các cấp; Văn bản số 3229/VPCP-QHĐP ngày 24/11/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc bổ sung Phó Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai, việc Chủ tịch UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bầu cử Phó Chủ tịch UBND tỉnh là đúng thẩm quyền.

### **8.2. Nội dung Nghị quyết**

Đối chiếu với quy định mục 2 của Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Ban Pháp chế nhận thấy: Bà Nguyễn Thị Thanh Lịch đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện; tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay); có 03 năm tính đến thời điểm đề xuất hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đến thời điểm giới thiệu nhân sự, không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo phải giải quyết theo quy định.

- Tại phần căn cứ pháp lý của dự thảo Nghị quyết đề nghị bổ sung thêm căn cứ pháp lý:

+ *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

+ *Văn bản số 3229/VPCP-QHĐP ngày 24/11/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc bổ sung Phó Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai* vì theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ thì văn bản này là cơ sở để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bầu Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Tại Điều 2 của dự thảo Nghị quyết đề nghị bỏ cụm từ “miễn nhiệm” thay bằng từ “bầu cử”.

Ban Pháp chế HĐND tỉnh thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết về việc xác nhận kết quả bầu cử Phó Chủ tịch UBND tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021 (*Tờ trình số 2397/TTr-UBND ngày 27/11/2020 của UBND tỉnh*)

**9. Dự thảo Nghị quyết Quy định về chức danh, bố trí số lượng người, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*Tờ trình số 2398/TTr-UBND ngày 27/11/2020 của UBND tỉnh*)**

### **9.1. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính

phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; khoản 5, khoản 6 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; khoản 3 Điều 11 và khoản 1, khoản 2 Điều 12 và Điều 13 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Chính phủ về hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định về chức danh, bố trí số lượng người, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

### **9.2. Nội dung Nghị quyết**

- Tại phần căn cứ pháp lý của dự thảo Nghị quyết đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý: "Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019".

- Tại Điều 1 của dự thảo Nghị quyết có quy định "xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã)" do đó tại các điều, khoản quy định tiếp theo của dự thảo Nghị quyết đề nghị UBND tỉnh thống nhất viết tắt cụm từ "cấp xã" thay cho cụm từ "xã, phường, thị trấn".

- Tại khoản 13 Điều 3 đề nghị bỏ cụm từ trong ngoặc đơn "(nơi có nhu cầu công tác dân tộc, tôn giáo)" vì đã được quy định tại khoản 4 Điều 5 của dự thảo Nghị quyết.

- Đề nghị Điều 9 của dự thảo Nghị quyết chỉ được quy định mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, không được quy định việc hướng dẫn kiêm nhiệm đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Vì theo quy định khoản 5, khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ và khoản 3 Điều 11 của Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ giao HĐND tỉnh chỉ có thẩm quyền quy định mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố.

- Gộp Điều 13 và Điều 14 thành một Điều là Điều 13 và bỏ các cụm từ "Tổ chức thực hiện" và "Hiệu lực thi hành". Đồng thời, quy định rõ thời gian có hiệu lực thi hành của Nghị quyết từ ngày 01/01/2021.

Từ các nhận định nêu trên, Ban Pháp chế thống nhất dự thảo Nghị quyết Quy định về chức danh, bố trí số lượng người, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai và đề nghị UBND tỉnh tiếp thu, chỉnh sửa các nội dung nêu trên.

**10. Dự thảo Nghị quyết về việc bầu bổ sung chức danh Ủy viên UBND tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021 (Tờ trình số 2413/TTr-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh)**

### **10.1. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ về việc quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND, việc Chủ tịch UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bầu cử chức danh Ủy viên UBND tỉnh là đúng thẩm quyền.

### **10.2. Nội dung Nghị quyết**

Đối chiếu với quy định mục 2 của Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Ban Pháp chế nhận thấy: Ông Nguyễn Đình Tiến, Giám đốc Sở Nội vụ và ông Lê Duy Định, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện; tiêu chuẩn chính trị (lịch sử chính trị và chính trị hiện nay) theo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai (*Tại văn bản số 114-CV/BTCTU ngày 16/11/2020 về tiêu chuẩn cán bộ của ông Nguyễn Đình Tiến và Văn bản số 115-CV/BTCTU ngày 16/11/2020 về tiêu chuẩn chính trị cán bộ của ông Lê Duy Định*); có 03 năm tính đến thời điểm đề xuất hoàn thành tốt nhiệm vụ. Vì vậy Ban Pháp chế HĐND tỉnh thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết về việc bầu bổ sung chức danh Ủy viên UBND tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021 đối với các ông nêu trên (*Tờ trình số 2413/TTr-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh*).

Tại phần căn cứ pháp lý của dự thảo Nghị quyết đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý “*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019*”.

Ban Pháp chế HĐND tỉnh kính trình HĐND tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ Mười sáu xem xét, quyết định (*Báo cáo này thay thế Báo cáo số 300/BC-HĐND ngày 30/11/2020 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh*)./*Th*

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh(b/c);
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT-PC.

**TM. BAN PHÁP CHẾ**

**KT.TRƯỞNG BAN**

**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Thị Tường Linh**